TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số: 732/2023/DS-PT
Ngày: 12-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Phượng

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Trung

Ông Uông Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 6 và ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số 2272/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7973/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T.

Địa chỉ: A15-15 Khu nhà liên kế chung cư T hẻm số 1/45 N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đồng Minh T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Văn T, sinh năm 1956.

Địa chỉ liên lạc: 149/27/4 Đ, Phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 03/4/2023). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng P - sinh năm 1967;

Địa chỉ: 4/13 ấp 2, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Đình Quốc S, sinh năm 1995.(Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: 60A tầng 1, đường 22, Khu phố 4, phường P, Thành Phố T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 24/6/2022 số công chứng 003167 quyển số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Trọng H, Luật sư thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chính Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH C. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 24L đường số 7, khu dân cư P, phường P, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Ngọc S, chức vụ: Giám đốc.

Án sơ thẩm do bị đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 28/4/2022, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T có ông Nguyễn Thanh T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Lê Hoàng P có đến Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T vay nợ nhiều lần cụ thể các giấy nợ sau:

Giấy đề nghị vay vốn ngày 16/09/2014 vay số tiền 5.000.000.000 đồng, cùng ngày ông P đã nhận tiền 2.500.000.000 đồng và ngày 22/9/2014 ông P nhận 2.500.000.000 đồng có chữ ký, chữ viết đã nhận đủ tiền, mức lãi ghi 5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 16/12/2014 hạn trả nợ. Trong quá trình vay khoản nợ này ông P không trả lãi và nợ gốc. Nhưng đến ngày 20/07/2020 theo Biên bản về việc: Đối cH số dư công nợ thì các bên thỏa thuận cấn trừ số tiền gốc còn 1.200.000.000 đồng được ghi ở mục " ngày 22/09/2014 số tiền 1.200.000.000 đ" cũng như lãi suất theo thỏa thuận lại theo lãi suất ngân hàng 9%/năm áp dụng cho khoản vay này, thời hạn trả gia hạn lại trả chậm nhất 30/06/2021.

Giấy đề nghị vay vốn ngày 04/11/2014 vay số tiền 1.800.000.000 đồng cùng ngày ông P đã nhận tiền 1.800.000.000 đồng có chữ ký, chữ viết đã nhận đủ tiền, mức lãi ghi 5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 14/11/2014 hạn trả nợ. Trong quá trình vay khoản nợ này, ông P không trả lãi và nợ gốc. Nhưng đến

ngày 20/07/2020, theo Biển bản về việc: Đối cH số dư công nợ ghi ở mục "ngày 14/11/2014 số tiền 1.800.000.000 đ" cũng như lãi suất theo thỏa thuận lại lãi suất ngân hàng 9%/năm áp dụng cho khoản vay này, thời hạn trả gia hạn lại trả chậm nhất 30/06/2021.

Giấy đề nghị vay vốn ngày 02/12/2014 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, cùng ngày, ông P đã nhận tiền 1.500.000.000 đồng có chữ ký, chữ viết đã nhận đủ tiền, mức lãi ghi 5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 02/01/2015 hạn trả nợ. Trong quá trình vay khoản nợ này ông P không trả lãi và nợ gốc. Nhưng đến ngày 20/07/2020 theo Biên bản về việc: Đối cH số dư công nợ lãi suất theo thỏa thuận lại lãi suất ngân hàng 9%/năm áp dụng cho khoản vay này, thời hạn trả gia hạn lại trả chậm nhất 30/06/2021.

Giấy mượn tiền ngày 02/02/2015 vay số tiền 2.500.000.000 đồng, cùng ngày, ông P đã nhận tiền 2.500.000.000 đồng có chữ ký, chữ viết đã nhận đủ tiền, mức lãi ghi 5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 02/04/2015 hạn trả nợ. Trong quá trình vay khoản nợ này ông P không trả lãi và nợ gốc. Nhưng đến ngày 20/07/2020 theo Biên bản về việc: Đối cH số dư công nợ lãi suất theo thỏa thuận lại lãi suất ngân hàng 9%/năm áp dụng cho khoản vay này, thời hạn trả gia hạn lại trả chậm nhất 30/06/2021.

Giấy đề nghị mượn tiền ngày 09/07/2015 vay số tiền 2.200.000.000 đồng, cùng ngày, ông P đã nhận tiền 2.200.000.000 đồng có chữ ký, chữ viết đã nhận đủ tiền, mức lãi suất không ghi, thời hạn vay không ghi hạn trả nợ. Trong quá trình vay khoản nợ này ông P không trả lãi và nợ gốc. Nhưng đến ngày 20/07/2020 theo Biên bản về việc: Đối cH số dư công nợ ghi ở mục " ngày 09/04/2015 số tiền 2.200.000.000 đ" cũng như lãi suất theo thỏa thuận lại lãi suất ngân hàng 9%/năm áp dụng cho khoản vay này, thời hạn trả gia hạn lại trả chậm nhất 30/06/2021.

Giấy đề nghị mượn tiền ngày 18/12/2015 vay số tiền 2.500.000.000 đồng, cùng ngày, ông P đã nhận tiền 2.500.000.000 đồng có chữ ký, chữ viết đã nhận đủ tiền, mức lãi suất được thanh toán như thỏa thuận, thời hạn vay 4 tháng kể từ ngày nhận tiền tức ngày 18/04/2016 hạn trả nợ. Trong quá trình vay khoản nợ này ông P không trả lãi và nợ gốc. Nhưng đến ngày 20/07/2020 theo Biên bản về việc: Đối cH số dư công nợ lãi suất theo thỏa thuận lại lãi suất ngân hàng 9%/năm áp dụng cho khoản vay này, thời hạn trả gia hạn lại trả chậm nhất 30/06/2021.

Căn cứ các giấy mượn tiền, giao nhận và cam kết thanh toán công nợ tại biên bản đối cH chậm nhất đến ngày 30/06/2021. Đến thời điểm cam kết thanh toán, mặc dù đã nhiều lần liên lạc, gửi thông báo nhưng ông P cố tình trốn tránh, không có bất kỳ thông tin hồi đáp, ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nghiêm trọng cho nên lãi suất được tính như sau:

- Lãi suất trong hạn:

1/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 16/09/2014, số tiền 1.200.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 2473 ngày (từ 22/9/2014 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 731.736.986 đồng.

2/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 04/11/2014, số tiền 1.800.000.000 đồng, số ngày tính lãi 2430 (từ 04/11/2014 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 1.078.520.548 đồng

3/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/12/2014, số tiền 1.500.000.000 đồng, số ngày tính lãi 2402 (từ 02/12/2014 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 888.410.959 đồng.

4/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/02/2015, số tiền 2.500.000.000 đồng, số ngày tính lãi 2340 (từ 02/02/2015 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 1.442.465.753 đồng.

5/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 09/7/2015, số tiền 2.200.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 345 ngày (từ 09/7/2020 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 187.150.685 đồng

6/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 18/12/2015, số tiền 2.500.000.000 đồng, số ngày tính lãi là 2021ngày (từ 18/12/2015 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 1.245.821.918 đồng.

Tổng cộng: Vốn 11.700.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.574.106.849 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ ngày 01/7/2021 tạm tính đến ngày xét xử 12/1/2023 là 560 ngày mức lãi quá hạn là 15%/năm trên số tiền gốc 11.700.000.000 đồng số tiền lãi quá hạn là 2.692.602.740 đồng.

Tổng số tiền lãi ông P phải trả là 8.266.709.589 đồng (gồm số tiền lãi trong hạn 5.574.106.849 đồng và số tiền lãi quá hạn 2.692.602.740 đồng).

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T yêu cầu ông Lê Hoàng P phải trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật với tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/1/2023 là 19.966.709.589 đồng trong đó gốc là 11.700.000.000 đồng và lãi 8.266.709.589 đồng (trong hạn 5.574.106.849 đồng và lãi quá hạn 2.692.602.740 đồng), lãi tiếp tục tính ngày 13/1/2023 cho đến ngày án có hiệu lực pháp luật trên nợ gốc theo mức lãi suất 15%/năm tại các giấy mượn tiền và cam kết thanh toán công nợ tại biên bản đối cH và áp dụng lãi chậm thực hiện theo quy định pháp luật.

* Bị đơn ông Lê Hoàng P có người đại diện ủy quyền ông Nguyễn Đình Quốc S trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu T buộc ông P phải thanh toán số tiền nợ tới hạn là 19.966.709.589 đồng trong đó gốc 11.700.000.000 đồng và lãi 8.266.709.589 đồng, đề nghị Toà án xem xét về thời hiệu khởi kiện của vụ án, đề nghị đình chỉ vì hết thời hiệu khởi kiện.

Về các Giấy đề nghị mượn tiền ngày 16/09/2014, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 04/11/2014, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/12/2014 và Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/02/2015 thì ông P đã trình bày trước đây và tại phiên tòa

người đại diện thừa nhận là có vay đúng chữ ký chữ viết ông P. Về phần tiền gốc và lãi thì người đại diện ông P không biết rõ có trả hay chưa.

Giấy đề nghị mượn tiền ngày 09/07/2015 và Giấy đề nghị mượn tiền ngày 18/12/2015 không ghi lãi thì không áp dụng lãi.

Đề nghị Tòa trưng cầu giám định lại Giấy đề nghị mượn tiền ngày 09/07/2015, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 18/12/2015 và Biên bản về việc: Đối cH số dư công nợ ngày 20/07/2020 do phía ông P không đồng ý kết luận giám định số 4748/KL-KTHS ngày 22/9/2022. Do đó, yêu cầu trưng cầu giám định lại, tạm đình chỉ chờ kết quả giám định lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C trình bày:

Khoảng tháng 9 năm 2014 Công ty TNHH C có ủy quyền cho ông Lê Hoàng P tìm kiếm các dự án, tìm kiếm đối tác để huy động vốn, ký các hồ sơ vay vốn. Do vậy năm 2014, Công ty TNHH C có ủy quyền ông P ký hồ sơ vay vốn của cá nhân ông Đồng Minh T với lãi suất 5%/tháng. Cụ thể, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 16/09/2014 số tiền vay 5.000.000.000 đồng nhưng chỉ nhận 1.200.000.000 đồng do đó Công ty TNHH C đồng ý trả cho ông T khoản nợ này. Giấy đề nghị mượn tiền ngày 04/11/2014 số tiền vay 1.800.000.000, do đó Công ty TNHH C đồng ý trả cho ông T khoản nợ này. Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/12/2014 số tiền vay 1.500.000.000 do đó Công ty TNHH C đồng ý trả cho ông T khoản nợ này.

Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/02/2015 là cá nhân ông P với ông T không liên quan gì Công ty TNHH C. Còn những giấy khác Giấy đề nghị mượn tiền ngày 09/07/2015, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 18/12/2015 và Biên bản về việc đối cH số dư công nợ ngày 20/07/2020 thì ông P không ký. Nếu các giấy tờ nêu trên mà ông P có ký đại diện Công ty TNHH C thì Công ty TNHH C sẽ chịu trách nhiệm thanh toán.

Công ty TNHH C đưa phương án trả nợ cuối tháng 2 năm 2023 thanh toán 3.000.000.000 đồng và cứ cuối mỗi tháng tiếp theo kể từ tháng 2 năm 2023 sẽ thanh toán 500.000.000 đồng cho hết nợ, đề nghị ông T miễn giảm lãi suất cho Công ty TNHH C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 12/01/2023, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử:

Chấp nhận T bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Hoàng P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 19.966.709.589 đồng trong đó gốc 11.700.000.000 đồng và lãi 8.266.709.589 đồng (trong hạn 5.574.106.849 đồng và lãi quá hạn 2.692.602.740 đồng tạm tính đến ngày 12/1/2023) theo Giấy đề nghị mượn tiền ngày 16/09/2014, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 04/11/2014, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/12/2014, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/02/2015, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 09/07/2015, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 18/12/2015 và Biên bản về việc Đối chiếu số dư công nợ ngày 20/07/2020.

Lãi quá hạn sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 13/1/2023 cho đến khi án có hiệu lực pháp luật trên số dự nợ gốc thực nợ 11.700.000.000 đồng với mức lãi suất 15%/năm.

Kể từ ngày đến hạn đưa tiền và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Lê Hoàng P không thực hiện nghĩa trả tiền như nêu trên thì ông Lê Hoàng P còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/01/2023, bị đơn ông Lê Hoàng P nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa P thẩm:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T có ông Trần Văn T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có ông Nguyễn Tấn L, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh trình bày đề nghị sửa bản án về phần lãi suất quá hạn.

Bị đơn ông Lê Hoàng P có ông Nguyễn Đình Quốc S là người đại diện theo ủy quyền trình bày sửa yêu cầu kháng cáo: Hủy T bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành giám định lại; Thời hiệu khởi kiện đã hết; Đưa tH người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Minh T, bà Trần Thị G và Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các chứng cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn P thẩm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý P thẩm và xét xử vụ án. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Hoàng P, sửa bản án sơ thẩm về lãi suất nợ quá hạn, tiền lãi và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] .Về thủ tục tố tụng: Đơn yêu cầu kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH C.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Hoàng P, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

[2.1]. Về yêu cầu đưa người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông Lê Hoàng P cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Đồng Minh T và bà Trần Thị G tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghĩa vụ tố tụng.

Xét Đơn khởi kiện, các giấy đề nghị vay vốn các ngày 16/9/2014, 04/11/2014, 02/12/2014, 09/7/2015, 18/12/2015 và ngày 02/02/2015, Biên bản đối cH số dư công nợ ngày 20/7/2020 có cơ sở xác định cá nhân ông Lê Hoàng P có vay của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T với tổng số tiền 11.700.0000.000 đồng (mười một tỷ bảy trăm triệu đồng). Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T khởi kiện cá nhân ông Lê Hoàng P, không yêu cầu vợ ông P là bà Trần Thị G phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ, trong trường hợp bà Trần Thị G có tranh chấp thì thực hiện quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014). Đồng thời, tại Bản khai ngày 27/12/2022 của ông Đồng Minh T xác nhận số tiền cho ông Lê Hoàng P vay là của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T, không phải của ông Đồng Minh T. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Đồng Minh T và bà Trần Thị G vào tham gia tố tụng là có cơ sở.

[2.2]. Xét việc ông Lê Hoàng P yêu cầu áp dụng thời hiệu đình chỉ vụ án do các Giấy đề nghị mượn tiền đã hết thời hiệu khởi kiện, ông P cho rằng ông không ký tên tại Biên bản về việc Đối cH số dư công nợ ngày 20/07/2020 nên không khôi phục lại thời hiệu. Đồng thời, ông P yêu cầu giám định lại vì không đồng ý Kết luận giám định số 4748/KL-KTHS ngày 22/9/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết luận giám định số 4748/KL-KTHS ngày 22/9/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giám định chữ ký, chữ viết trên Biên bản về việc: Đối cH số dư công nợ ngày 20/07/2020; Giấy đề nghị mượn tiền ngày 09/07/2015; Giấy đề nghị mượn tiền ngày 18/12/2015 xác định do cùng một người viết, ký ra là của ông Lê Hoàng P. Mặc khác ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 102 Bộ

luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Luật giám định tư pháp năm 2012. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận giám định lại là có căn cứ.

Như vậy, trên cơ sở Biên bản về việc Đối chiếu số dư công nợ ngày 20/07/2020 cho thấy các bên có thỏa thuận lại về lãi suất, thời điểm tính lãi và thời hạn trả nợ nên căn cứ theo Điều 149, Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu đã hết là đúng quy định pháp luật.

[2.3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét Giấy đề nghị mượn tiền ngày 16/09/2014, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 04/11/2014, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/12/2014, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 09/07/2015, Giấy đề nghị mượn tiền ngày 18/12/2015 thì phía ông Lê Hoàng P lập các giấy đề nghị có nội dung ông Lê Hoàng P đại diện Công ty TNHH C xin đề nghị ông Đồng Minh T cho vay mượn. Về Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/02/2015 thì có nội dung ông Lê Hoàng P xin đề nghị ông Đồng Minh T cho mượn. Đến Biên bản về việc đối cH số dư công nợ ngày 20/07/2020 đã xác định Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T là người cho vay và ông Lê Hoàng P là người vay đối với các khoản nợ đã ký tại các giấy đề nghị mượn tiền nêu trên.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải ông P thừa nhận *"Tôi – Lê Hoàng P có hợp tác kinh doanh với ông Đồng Minh T- đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu T theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HDHTKD ngày 16/05/2014 ... Nếu thực tế tôi có nợ những khoản nợ nào đối với ông Đồng Minh T- đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu T thì tôi sẽ đồng ý cần trừ đi phần tài sản đã góp vốn và phần còn lại ông Đồng Minh T- đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu T phải có trách nhiệm thanh toán cho tôi"*.

Xét Giấy ủy quyền ngày 15/9/2014 do Công ty TNHH C lập có nội dung:*"ông Lê Hoàng P được quyền thay mặt và nhân danh Công ty TNHH C ký hồ sơ vay, được thực hiện hoạt động quản lý, tìm kiếm dự án cho công ty, theo quy định pháp luật. Trong phạm vi ủy quyền, người được ủy quyền được quyền lập, ký tên trên các giấy tờ liên quan, thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp luật quy định có liên quan đến các hành vi được ủy quyền nêu trên."*, Hội đồng xét xử nhận thấy không có nội dung ủy quyền cho ông P vay tiền của ông Đồng Minh T hay vay Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu T, đồng thời tại các giấy vay mượn tiền nêu trên cũng không thể hiện giấy ủy quyền lập ngày 15/9/2014. Như vậy, không có cơ sở xác định việc vay mượn theo các giấy đề nghị mượn tiền nêu có liên quan đến Công ty TNHH C.

Căn cứ Kết luận giám định số 4748/KL-KTHS ngày 22/9/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, các giấy đề nghị vay vốn các ngày 16/9/2014, 04/11/2014, 02/12/2014, 09/7/2015, 18/12/2015 và ngày 02/02/2015, Biên bản đối cH số dư công nợ ngày 20/7/2020 có cơ sở xác định cá nhân ông Lê Hoàng P có vay của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T với tổng số tiền 11.700.0000.000 đồng (mười một tỷ bảy trăm triệu đồng). Do đó, Công

ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T khởi kiện buộc ông P trả số nợ gốc 11.700.000.000 đồng (mười một tỷ bảy trăm triệu đồng) là có cơ sở.

- Về lãi trong hạn:

Tại các giấy đề nghị vay vốn các ngày 16/9/2014, 04/11/2014, 02/12/2014 và ngày 02/02/2015, các bên thỏa thuận lãi suất là 5%; giấy đề nghị vay vốn ngày 18/12/2015, lãi suất tự thỏa thuận; giấy đề nghị vay vốn ngày 09/7/2015 các bên không thỏa thuận lãi suất.Tại Biên bản đối cH số dư công nợ ngày 20/7/2020, các bên thỏa thuận lại số tiền nợ tại các giấy đề nghị vay vốn các ngày 16/9/2014, 04/11/2014, 02/12/2014, 02/02/2015, 09/7/2015 và ngày 18/12/2015 với tổng số tiền nợ gốc là 11.700.000.000 đồng (mười một tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi suất là 9%/năm, thời hạn trả chậm nhất là ngày 30/06/2021. Như vậy, lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận lại là 9%/năm, số tiền lãi trong hạn được tính cụ thể như sau:

1/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 16/09/2014, số tiền 1.200.000.000 đồng, số ngày tính lãi 06 năm 09 tháng 8 ngày (từ 22/9/2014 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 731.400.000 đồng.

2/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 04/11/2014, số tiền 1.800.000.000 đồng, số ngày tính lãi 06 năm 07 tháng 26 ngày (từ 04/11/2014 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 1.078.200.000 đồng.

3/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/12/2014, số tiền 1.500.000.000 đồng, số ngày tính lãi 06 năm 06 tháng 28 ngày (từ 02/12/2014 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 888.000.000 đồng.

4/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 02/02/2015, số tiền 2.500.000.000 đồng, số ngày tính lãi 06 năm 04 tháng 28 ngày (từ 02/02/2015 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 1.442.500.000 đồng.

5/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 09/7/2015, số tiền 2.200.000.000 đồng, số ngày tính lãi 11 tháng 10 ngày (từ 09/7/2015 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 187.000.000 đồng.

6/ Giấy đề nghị mượn tiền ngày 18/12/2015, số tiền 2.500.000.000 đồng, số ngày tính lãi 05 năm 06 tháng 12 ngày (từ 18/12/2015 đến 30/6/2021), lãi suất 9%/năm là 1.245.000.000 đồng.

Tổng cộng: tiền gốc 11.700.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.572.100.000 đồng (năm tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu lẻ một trăm ngàn đồng).

- Về lãi quá hạn:

Các bên không có thỏa thuận lãi suất quá hạn, tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 15%/năm.

Điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả"*.

Do mức lãi suất trong hạn là 9%/năm, do đó mức lãi suất quá hạn theo quy định nêu trên là 13,5%. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tạm tính từ ngày 01/7/2021 (theo Biên bản về việc đối cH số dư công nợ ngày 20/07/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm 12/01/2023 là 01 năm 06 tháng 12 ngày. Cụ thể:

Tiền lãi quá hạn = 11.700.000.000 đồng x 1.125%/tháng x 01 năm 06 tháng 12 ngày = 2.421.900.000 đồng.

Do đó, số tiền lãi bị đơn phải trả gồm tiền lãi trong hạn là 5.572.100.000 đồng (năm tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu lẻ một trăm ngàn đồng) và tiền lãi quá hạn là 2.421.900.000 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi mốt triệu chín trăm ngàn đồng) = 7.994.000.000 đồng (bảy tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 11.700.000.000 đồng + 7.994.000.000 đồng = 19.694.000.000 đồng (mười chín tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn là 15%/năm và tính sai tiền lãi là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần sửa án sơ thẩm về lãi suất, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn và án phí.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét nhận thấy cần sửa bản án sơ thẩm.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí P thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự P thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật giám định tư pháp năm 2012,được sửa đổi bổ sung năm 2020; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hoàng P, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm số 07/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T:

Buộc bị đơn ông Lê Hoàng P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T số tiền tạm tính đến ngày 12/1/2023 là 19.694.000.000 đồng (mười chín tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu đồng), trong đó tiền gốc 11.700.000.000 đồng (mười một tỷ bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi 7.994.000.000 đồng (bảy tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu đồng), gồm tiền lãi trong hạn là 5.572.100.000 đồng (năm tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu lẻ một trăm ngàn đồng) và tiền lãi quá hạn là 2.421.900.000 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi mốt triệu chín trăm ngàn đồng). Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/01/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 13,5%/năm.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hoàng P phải chịu án phí sơ thẩm là 127.694.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn) đồng.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.635.479 đồng (mười ba triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T đã nộp là 63.648.678 đồng (sáu mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0037702 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch còn lại là 50.013.199 (năm mươi triệu lẻ mười ba ngàn một trăm chín mươn chín đồng).

Về án phí dân sự P thẩm: Ông Lê Hoàng P không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông Lê Hoàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0014619 ngày 17/01/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Phượng